

CÔNG TY CP KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN QCVN VIỆT NAM
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM



0911 485 839



0816 742 738



qcvn.com.vn



info@qcvn.com.vn



Số 67/2/8 Đường số 5, Phường 17, Q.Gò Vấp, TP.HCM

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Mã ĐH: 25.615

Mã KQ: 240325/MT_235-3



Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POU SUNG VIỆT NAM

Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POU SUNG VIỆT NAM

KCN Bàu Xéo, Xã Đồi 61, Huyện Trảng Bom, Đồi 61, Trảng Bom, Đồng Nai

Loại mẫu: 1. Khí thải 11 mẫu

Mã số mẫu: 120525KT445-KT452

Ngày lấy mẫu: 12/05/2025 – 13/05/2025 Ngày phân tích: 15/05/2025 – 17/05/2025

Ngày trả kết quả: 19/05/2025

Kết quả: Xem trang 02 – 03

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

NGUYỄN THỊ QUỲNH VÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN QCVN VIỆT NAM



Giám đốc: NGUYỄN ĐÌNH LÊ ĐẠI

1. Kết quả đo đạc và thử nghiệm có giá trị tại thời điểm đo và trên mẫu thử.

2. ⁽¹⁾. Chỉ tiêu được công nhận ISO 17025:2017; ⁽²⁾. Chỉ tiêu được công nhận VIMCERTS 197; ⁽³⁾. Chỉ tiêu tham khảo;

3. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.

PHIẾU KẾT QUẢ

Chất lượng khí thải

Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POU SUNG VIỆT NAM

KCN Bàu Xéo, Xã Đồi 61, Huyện Trảng Bom, Đồi 61, Trảng Bom, Đồng Nai

Ngày lấy mẫu: 12/05/2025 – 13/05/2025

Ngày phân tích: 15/05/2025 – 17/05/2025

Ngày trả kết quả: 19/05/2025

Thông tin mẫu:

STT	MÃ SỐ	VỊ TRÍ LẤY MẪU	TỌA ĐỘ
1	120525KT445	DKT01 - A32.1HB - Ống thoát khí HTXL bụi từ công đoạn mài đế	X: 1210834; Y: 421052
2	120525KT446	DKT02 - A32.2HB - Ống thoát khí HTXL bụi từ công đoạn mài đế	X: 1210816; Y: 421102
3	120525KT447	DKT17 - J1.1HB - Ống thoát khí HTXL bụi từ công đoạn trộn liệu	X: 1211118; Y: 421121
4	120525KT448	DKT18 - J1.2HB - Ống thoát khí HTXL bụi từ công đoạn trộn liệu	X: 1211118; Y: 421121
5	120525KT449	DKT19 - J1.3HB - Ống thoát khí HTXL bụi từ công đoạn trộn liệu	X: 1211118; Y: 421121
6	120525KT450	DKT20 - J1.4HB - Ống thoát khí HTXL bụi từ công đoạn trộn liệu	X: 1211118; Y: 421121
7	120525KT451	DKT21 - J2.1HB - Ống thoát khí HTXL bụi từ công đoạn mài đế	X: 1211137; Y: 420945
8	120525KT452	DKT22 - J2.2HB - Ống thoát khí HTXL bụi từ công đoạn mài đế	X: 1211137; Y: 420945

Kết quả:

Bảng 01:

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT445	KT446	C _{max} - Cột B
1	Nhiệt độ ⁽²⁾	°C	PP/HT/KT001/QT01	37,0	33,0	-
2	Áp suất ⁽²⁾	mmHg	PP/HT/KT005/QT01	756	755	-
3	Lưu lượng ⁽²⁾	m ³ /h	US.EPA Method 2	10.129	5.094	-
4	Bụi tổng ⁽²⁾	mg/Nm ³	US EPA Method 5	12,4	16,6	160

1. Kết quả đo đạc và thử nghiệm có giá trị tại thời điểm đo và trên mẫu thử.

2. ⁽¹⁾. Chỉ tiêu được công nhận ISO 17025:2017; ⁽²⁾. Chỉ tiêu được công nhận VIMCERTS 197; ⁽³⁾. Chỉ tiêu tham khảo;

3. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.

Bảng 02:

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 19:2009/ BTNMT C _{max} - Cột B
				KT447	KT448	
1	Nhiệt độ ⁽²⁾	°C	PP/HT/KT001/QT01	41,0	35,0	-
2	Áp suất ⁽²⁾	mmHg	PP/HT/KT005/QT01	755	755	-
3	Lưu lượng ⁽²⁾	m ³ /h	US.EPA Method 2	919	1.784	-
4	Bụi tổng ⁽²⁾	mg/Nm ³	US EPA Method 5	10,4	11,2	160

Bảng 03:

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 19:2009/ BTNMT C _{max} - Cột B
				KT449	KT450	
1	Nhiệt độ ⁽²⁾	°C	PP/HT/KT001/QT01	36,0	33,0	-
2	Áp suất ⁽²⁾	mmHg	PP/HT/KT005/QT01	755	755	-
3	Lưu lượng ⁽²⁾	m ³ /h	US.EPA Method 2	1.513	2.427	-
4	Bụi tổng ⁽²⁾	mg/Nm ³	US EPA Method 5	13,0	9,80	160

Bảng 04:

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 19:2009/ BTNMT C _{max} - Cột B
				KT451	KT452	
1	Nhiệt độ ⁽²⁾	°C	PP/HT/KT001/QT01	35,0	35,0	-
2	Áp suất ⁽²⁾	mmHg	PP/HT/KT005/QT01	756	755	-
3	Lưu lượng ⁽²⁾	m ³ /h	US.EPA Method 2	13.097	5.905	-
4	Bụi tổng ⁽²⁾	mg/Nm ³	US EPA Method 5	20,2	22,2	160

Ghi chú: (-): Không quy định; (--): Không đo đặc thử nghiệm; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện.

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- $C_{max} = C \times K_p \times K_v$; Trong đó $K_p = 0,8$; $K_v = 1,0$.

1. Kết quả đo đặc và thử nghiệm có giá trị tại thời điểm đo và trên mẫu thử.

2. ⁽¹⁾. Chỉ tiêu được công nhận ISO 17025:2017; ⁽²⁾. Chỉ tiêu được công nhận VIMCERTS 197; ⁽³⁾. Chỉ tiêu tham khảo;

3. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04125/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1264.KT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 05/05/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : 25.1264.KT1: " DKT03: Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi
dung môi từ công đoạn xịt sơn - A1.7XS.
Tọa độ: X:1210569 Y:421201"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1264.KT1	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	1.210	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.009,7	-	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	32	-	-
4	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	7,93	160	-
5	Methylacetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	<0,15	-	610
6	Etyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	n-Butyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,17	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 117 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04127/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1264.KT3
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 05/05/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : 25.1264.KT3: " DKT04: Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi
dung môi từ công đoạn xịt sơn – A8.11XS.
Tọa độ: X:1210569 Y:421201"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1264.KT3	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	1.708	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.010,2	-	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	35	-	-
4	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	7,26	160	-
5	Methylacetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,16	-	610
6	Etyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	n-Butyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,21	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 117 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04142/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1277.KT3
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 06/05/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : 25.1277.KT3: " DKT05: Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi
dung môi từ công đoạn xịt sơn – A10.10XS.
Tọa độ: X:1210788 Y:421176"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1277.KT3	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	1.840	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.010	-	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	33	-	-
4	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	7,63	160	-
5	Methylacetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,23	-	610
6	Etyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	n-Butyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,22	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

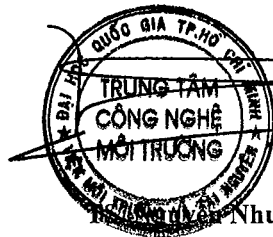
- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 117 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Nguyễn Văn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04141/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1277.KT2
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 06/05/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : 25.1277.KT2: " DKT06: Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi
dung môi từ công đoạn xịt sơn – A10.12XS.
Tọa độ: X:1210788 Y:421176"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1277.KT2	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	2.031	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.010,8	-	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	33	-	-
4	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	8,03	160	-
5	Methylacetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,15	-	610
6	Etyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	n-Butyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,19	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 117 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04140/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1277.KT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 06/05/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : 25.1277.KT1: " DKT07: Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi
dung môi từ công đoạn xịt sơn - A10.13XS.
Tọa độ: X:1210788 Y:421176"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1277.KT1	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	2.622	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.010,7	-	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	32	-	-
4	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	4,97	160	-
5	Methylacetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,19	-	610
6	Etyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	n-Butyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,21	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 117 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

SỐ PKQ: 04130/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1264.KT6
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 05/05/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Borm, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : **25.1264.KT6:** " DKT08: Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi
dung môi từ công đoạn xịt sơn - A10.14XS.
Tọa độ: X:1210788 Y:421176"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1264.KT6	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	2.097	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.009,5	-	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	35	-	-
4	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	8,7	160	-
5	Methylacetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,20	-	610
6	Etyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	n-Butyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,22	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 117 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2025

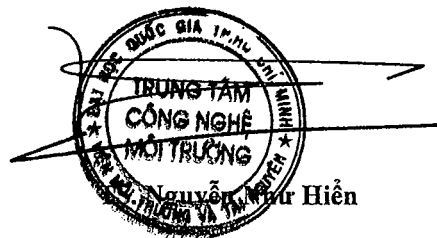
Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

SỐ PKQ: 04129/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1264.KT5
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 05/05/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : 25.1264.KT5: " DKT09: Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi
dung môi từ công đoạn xịt sơn - A10.15XS.
Tọa độ: X:1210788 Y:421176"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1264.KT5	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	2.609	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.010,2	-	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	34	-	-
4	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	5,16	160	-
5	Methylacetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,18	-	610
6	Etyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	n-Butyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,26	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 117 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04128/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1264.KT4
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 05/05/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : 25.1264.KT4: " DKT10: Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi
dung môi từ công đoạn xịt sơn - A10.16XS.
Tọa độ: X:1210788 Y:421176"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1264.KT4	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	2.498	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.009,5	-	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	34	-	-
4	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	9,17	160	-
5	Methylacetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	<0,15	-	610
6	Etyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	n-Butyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,17	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 117 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2025

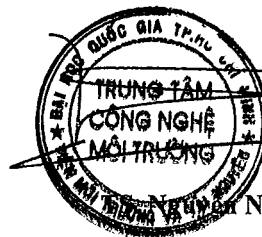
Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04126/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1264.KT2
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 05/05/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : **25.1264.KT2:** " DKT13: Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi
dung môi từ công đoạn xịt sơn – A26.1XS.
Tọa độ: X:1210519 Y:421386"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1264.KT2	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	9.091	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.010,4	-	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	33	-	-
4	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	6,59	160	-
5	Methylacetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	<0,15	-	610
6	Etyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	n-Butyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,16	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

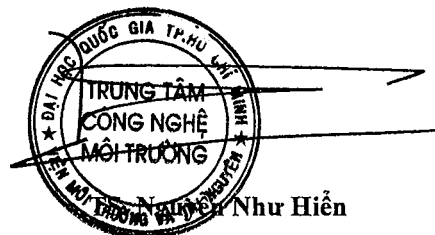
- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 117 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04156/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1327.KT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 10/05/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : 25.1327.KT1: " DKT 14: Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi
dung môi từ công đoạn nhuộm sơn khuôn dao – A9.1XS.
Tọa độ: X:1210911; Y:421112"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1327.KT1	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	5.274	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.010,8	-	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	35	-	-
4	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	7,89	160	-
5	Methylacetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,18	-	610
6	Etyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	n-Butyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,19	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

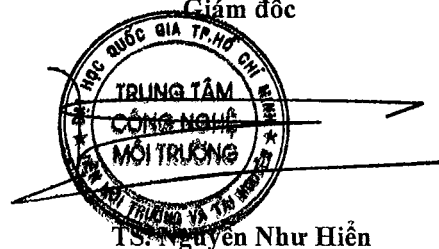
- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 117 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04157/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1327.KT2
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 10/05/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : 25.1327.KT2: " DKT 15: Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi
dung môi từ công đoạn xịt sơn khuôn đế – A9.2XS.
Tọa độ: X:1210973 Y:421143"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1327.KT2	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	5.169	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.010,6	-	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	37	-	-
4	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	7,08	160	-
5	Methylacetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,17	-	610
6	Etyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	n-Butyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,21	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 117 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Nguyễn Như Hiền

CÔNG TY CP KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN QCVN VIỆT NAM
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

PHIẾU KẾT QUẢ
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

☎ 0911 485 839

☎ 0816 742 738

🌐 qcvn.com.vn

✉ info@qcvn.com.vn

📍 Số 67/2/8 Đường số 5, Phường 17, Q.Gò Vấp, TP.HCM

Mã ĐH: 25.615

Mã KQ: 240325/MT_235-2



Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POU SUNG VIỆT NAM

Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POU SUNG VIỆT NAM

KCN Bàu Xéo, Xã Đồi 61, Huyện Trảng Bom, Đồi 61, Trảng Bom, Đồng Nai

Loại mẫu: 1. Khí thải 11 mẫu

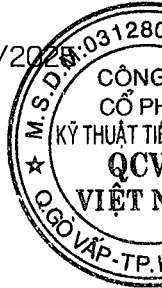
Mã số mẫu: 120525KT444

Ngày lấy mẫu: 12/05/2025

Ngày phân tích: 15/05/2025 – 17/05/2025

Ngày trả kết quả: 19/05/2025

Kết quả: Xem trang 02



TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

NGUYỄN THỊ QUỲNH VÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN QCVN VIỆT NAM



Giám đốc: NGUYỄN ĐÌNH LÊ ĐẠI

1. Kết quả đo đạc và thử nghiệm có giá trị tại thời điểm đo và trên mẫu thử.
2. ⁽¹⁾. Chỉ tiêu được công nhận ISO 17025:2017; ⁽²⁾. Chỉ tiêu được công nhận VIMCERTS 197; ⁽³⁾. Chỉ tiêu tham khảo;
3. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.

PHIẾU KẾT QUẢ

Chất lượng khí thải

Mã số: 120525KT444



Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POU SUNG VIỆT NAM
KCN Bàu Xéo, Xã Đồi 61, Huyện Trảng Bom, Đồi 61, Trảng Bom, Đồng Nai

Ngày lấy mẫu: 12/05/2025

Ngày phân tích: 15/05/2025 – 17/05/2025

Ngày trả kết quả: 19/05/2025

Kết quả:

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT444	C _{max} - Cột B
1	Nhiệt độ ⁽²⁾	°C	PP/HT/KT001/QT01	36,0	-
2	Áp suất ⁽²⁾	mmHg	PP/HT/KT005/QT01	757	-
3	Lưu lượng ⁽²⁾	m ³ /h	US.EPA Method 2	3.506	-
4	Bụi tổng ⁽²⁾	mg/Nm ³	US EPA Method 5	26,6	-

Ghi chú: (-): Không quy định; (--): Không đo đặc thử nghiệm; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện.
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
- $C_{max} = C \times K_p \times K_v$; Trong đó $K_p = 0,8$; $K_v = 1,0$.
- 120525KT444 - DKT16 - A9.7YM - Ống thoát khí HTXL bụi từ công đoạn cắt liệu kim loại bằng máy Laser - X: 1210905; Y: 421130

1. Kết quả đo đặc và thử nghiệm có giá trị tại thời điểm đo và trên mẫu thử.
2. ⁽¹⁾ Chỉ tiêu được công nhận ISO 17025:2017; ⁽²⁾ Chỉ tiêu được công nhận VIMCERTS 197; ⁽³⁾ Chỉ tiêu tham khảo;
3. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04154/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1301.KT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 08/05/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : **25.1301.KT1: "DKT 23: Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi
dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.1XS.
Tọa độ: X: 1211199 Y: 421022"**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1301.KT1	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	1.998	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.010,1	-	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	31	-	-
4	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	6,09	160	-
5	Methylacetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,18	-	610
6	Etyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	n-Butyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,16	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 117 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



Giám đốc

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04155/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1301.KT2
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 08/05/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : 25.1301.KT2: "DKT 24: Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi
dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.2XS.
Tọa độ: X: 1211199 Y: 421022"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1301.KT2	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	2.665	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.010,2	-	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	32	-	-
4	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	7,28	160	-
5	Methylacetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,20	-	610
6	Etyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	n-Butyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,21	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 117 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04022/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1301.KT3
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 08/05/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : 25.1301.KT3: " DKT 25: Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi
dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.3XS.
Tọa độ: X: 1211199 Y: 421022"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1301.KT3	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	2.872	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.010,2	-	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	32	-	-
4	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	5,9	160	-
5	Methylacetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,30	-	610
6	Etyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	n-Butyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,19	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 117 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04023/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1301.KT4
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 08/05/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : **25.1301.KT4**: "DKT 26: Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi
dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.4XS.
Tọa độ: X: 1211199 Y: 421022"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1301.KT4	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	1.888	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.010,4	-	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	33	-	-
4	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	7,22	160	-
5	Methylacetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,37	-	610
6	Etyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	n-Butyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,31	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 117 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04024/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1301.KT5
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 08/05/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : 25.1301.KT5: "DKT 27: Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi
dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.5XS.
Tọa độ: X: 1211199 Y: 421022"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1301.KT5	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	1.682	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.010,3	-	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	33	-	-
4	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	7,58	160	-
5	Methylacetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,21	-	610
6	Etyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	n-Butyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,22	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 117 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



ThS. Nguyễn Văn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKO: 04001/2025/PKO	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1311.KT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 09/05/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : **25.1311.KT1:** " DKT 28: Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi
dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.6XS.
Tọa độ: X: 1211199 Y: 421022"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1311.KT1	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	1.730	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.010,6	-	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	32	-	-
4	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	6,3	160	-
5	Methylacetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,28	-	610
6	Etyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	n-Butyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,19	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 117 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2025

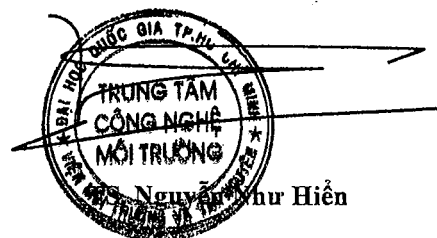
Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04002/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1311.KT2
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 09/05/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : 25.1311.KT2: " DKT 29: Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi
dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.7XS.
Tọa độ: X: 1211199 Y: 421022"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1311.KT2	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	2.525	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.010,7	-	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	31	-	-
4	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	5,15	160	-
5	Methylacetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,19	-	610
6	Etyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	n-Butyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,20	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

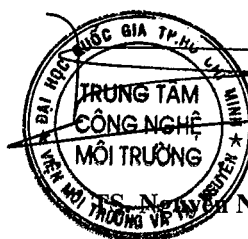
- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 117 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Văn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04219/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1301.KT6
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 08/05/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : **25.1301.KT6: "DKT 30: Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi
dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.8XS.
Tọa độ: X: 1211199 Y: 421022"**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1301.KT6	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	1.775	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.010,4	-	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	32	-	-
4	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	6,91	160	-
5	Methylacetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,22	-	610
6	Etyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	n-Butyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	<0,15	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà điều phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 117 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Văn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04153/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1289.KT6
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 07/05/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : 25.1289.KT6: " DKT31: Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi
dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.9XS.
Tọa độ: X:1211199 Y:421022"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1289.KT6	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	2.522	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.009,9	-	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	31	-	-
4	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	7,11	160	-
5	Methylacetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,18	-	610
6	Etyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	n-Butyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,20	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 117 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2025

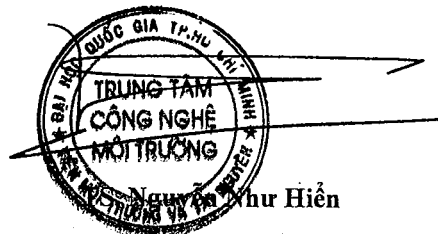
Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04143/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1277.KT4
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 06/05/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : 25.1277.KT4: " DKT32: Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi
dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.10XS.
Tọa độ: X:1211192 Y:421041"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1277.KT4	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	1.277	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.010,3	-	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	34	-	-
4	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	8,11	160	-
5	Methylacetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,17	-	610
6	Etyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	n-Butyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,18	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

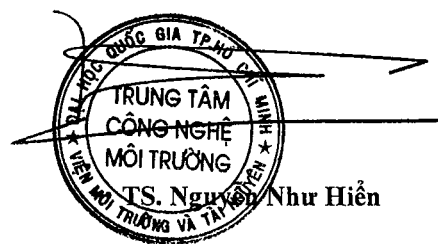
- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 117 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

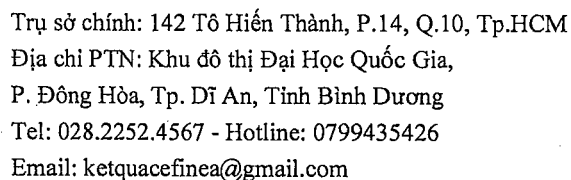
Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiện





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04145/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1277.KT6
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 06/05/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : 25.1277.KT6: " DKT34: Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi
dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.12XS.
Tọa độ: X:1211192 Y:421041"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1277.KT6	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	2.111	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.010,3	-	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	32	-	-
4	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	6,55	160	-
5	Methylacetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,19	-	610
6	Etyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	n-Butyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,20	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 117 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04148/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1289.KT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 07/05/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : **25.1289.KT1: " DKT35: Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.13XS.**
Tọa độ: X:1211192 Y:421041"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1289.KT1	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	2.177	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.010,1	-	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	33	-	-
4	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	6,6	160	-
5	Methylacetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,18	-	610
6	Etyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	n-Butyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,21	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

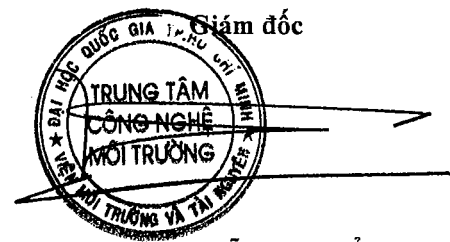
- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 117 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04149/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1289.KT2
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 07/05/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : 25.1289.KT2: " DKT36: Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi
dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.14XS.
Tọa độ: X:1211192 Y:421041"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1289.KT2	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	2.147	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.010,4	-	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	32	-	-
4	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	7,23	160	-
5	Methylacetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,16	-	610
6	Etyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	n-Butyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,17	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 117 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04150/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1289.KT3
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 07/05/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : 25.1289.KT3: " DKT37: Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi
dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.15XS.
Tọa độ: X:1211192 Y:421041"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1289.KT3	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	2.141	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.010,4	-	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	33	-	-
4	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	7,96	160	-
5	Methylacetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,23	-	610
6	Etyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	n-Butyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,26	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 117 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2025

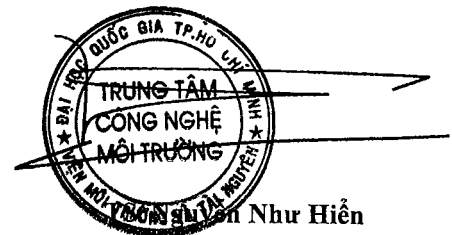
Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04151/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1289.KT4
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 07/05/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : 25.1289.KT4: " DKT38: Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi
dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.16XS.
Tọa độ: X:1211192 Y:421041"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1289.KT4	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	2.055	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.010,2	-	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	32	-	-
4	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	7,18	160	-
5	Methylacetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,20	-	610
6	Etyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	n-Butyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,18	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 117 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

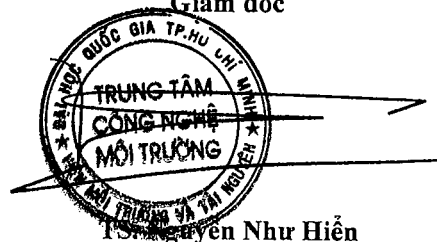
Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04152/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1289.KT5
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 07/05/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : 25.1289.KT5: " DKT39: Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi
dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.17XS.
Tọa độ: X:1211192 Y:421022"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1289.KT5	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	2.449	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.009,8	-	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	31	-	-
4	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	8,51	160	-
5	Methylacetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	<0,15	-	610
6	Etyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	n-Butyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,23	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

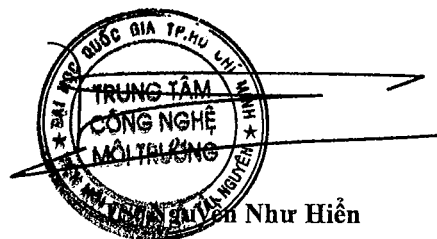
- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 117 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Nguyễn Văn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04003/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1311.KT3
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 09/05/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : 25.1311.KT3: " DKT 40: Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi
dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.18XS.
Tọa độ: X: 1211199 Y: 421022"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1311.KT3	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	2.434	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.010,7	-	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	31	-	-
4	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	7,52	160	-
5	Methylacetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,17	-	610
6	Etyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	n-Butyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,25	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

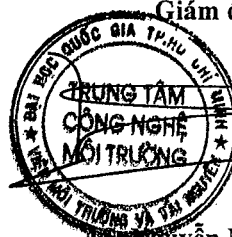
- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 117 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04004/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1311.KT4
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 09/05/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : **25.1311.KT4: " DKT 41: Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi
dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.19XS.
Tọa độ: X: 1211264 Y: 420993"**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1311.KT4	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	1.887	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.010,5	-	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	33	-	-
4	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	8,71	160	-
5	Methylacetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,35	-	610
6	Etyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	n-Butyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,30	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 117 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04405/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1311.KT5
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 09/05/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : 25.1311.KT5: " DKT 42: Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi
dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.20XS.
Tọa độ: X: 1211264 Y: 420993"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1311.KT5	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	1.725	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.010,3	-	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	34	-	-
4	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	9,05	160	-
5	Methylacetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,23	-	610
6	Etyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	n-Butyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	<0,15	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

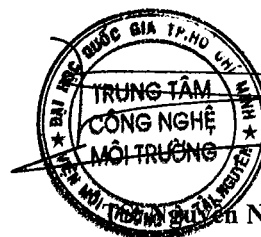
- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 117 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

ThS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04006/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1311.KT6
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 09/05/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : 25.1311.KT6: " DKT 43: Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi
dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.21XS.
Tọa độ: X: 1211264 Y: 420993"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1311.KT6	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	1.436	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.010,2	-	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	33	-	-
4	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	6,09	160	-
5	Methylacetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,18	-	610
6	Etyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	n-Butyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,15	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 117 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04158/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1327.KT3
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 10/05/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : 25.1327.KT3: " DKT44: Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi
dung môi từ công đoạn xịt sơn – K1.1XS.
Tọa độ: X:1211506 Y:421594"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1327.KT3	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	1.963	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.011,5	-	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	36	-	-
4	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	8,24	160	-
5	Methylacetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,18	-	610
6	Etyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	n-Butyl axetat ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,25	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 117 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền

CÔNG TY CP KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN QCVN VIỆT NAM
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

PHIẾU KẾT QUẢ
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

 0911 485 839	 0816 742 738	Mã ĐH: 25.615	Mã KQ: 240325/MT_235-1
 qcvn.com.vn	 info@qcvn.com.vn		
 Số 67/2/8 Đường số 5, Phường 17, Q.Gò Vấp, TP.HCM		VLAT 1.0247 ISO/IEC 17025:2017	

Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POU SUNG VIỆT NAM

Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POU SUNG VIỆT NAM

KCN Bàu Xéo, Xã Đồi 61, Huyện Trảng Bom, Đồi 61, Trảng Bom, Đồng Nai

Loại mẫu: 1. Khí thải 11 mẫu

Mã số mẫu: 120525KT442-KT443

Ngày lấy mẫu: 12/05/2025

Ngày phân tích: 15/05/2025 – 17/05/2025

Ngày trả kết quả: 19/05/2025

Kết quả: Xem trang 02

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM



NGUYỄN THỊ QUỲNH VÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN QCVN VIỆT NAM



Giám đốc: NGUYỄN ĐÌNH LÊ ĐẠI

- Kết quả đo đạc và thử nghiệm có giá trị tại thời điểm đo và trên mẫu thử.
- ⁽¹⁾. Chỉ tiêu được công nhận ISO 17025:2017; ⁽²⁾. Chỉ tiêu được công nhận VINCERTS 197; ⁽³⁾. Chỉ tiêu tham khảo;
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.

PHIẾU KẾT QUẢ

Chất lượng khí thải

Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POU SUNG VIỆT NAM
KCN Bàu Xéo, Xã Đồi 61, Huyện Trảng Bom, Đồi 61, Trảng Bom, Đồng Nai

Ngày lấy mẫu: 12/05/2025

Ngày phân tích: 15/05/2025 – 17/05/2025

Ngày trả kết quả: 19/05/2025

Kết quả:

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT442	KT443	C _{max} - Cột B
1	Nhiệt độ ⁽²⁾	°C	PP/HT/KT001/QT01	34,0	33,0	-
2	Áp suất ⁽²⁾	mmHg	PP/HT/KT005/QT01	757	757	-
3	Lưu lượng ⁽²⁾	m ³ /h	US.EPA Method 2	18.169	17.196	-
4	Bụi tổng ⁽²⁾	mg/Nm ³	US EPA Method 5	35,4	38,2	160

Ghi chú: (-): Không quy định; (--): Không đo đặc thử nghiệm; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện.

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- $C_{max} = C \times K_p \times K_v$; Trong đó $K_p = 0,8$; $K_v = 1,0$.

- 120525KT442 - DKT45 - CP1.1HB - Ống thoát khí HTXL bụi gỗ - X: 1210005; Y: 421020

- 120525KT443 - DKT46 - CP1.2HB - Ống thoát khí HTXL bụi gỗ - X: 1210017; Y: 420009

1. Kết quả đo đặc và thử nghiệm có giá trị tại thời điểm đo và trên mẫu thử.

2. ⁽¹⁾, Chỉ tiêu được công nhận ISO 17025:2017; ⁽²⁾, Chỉ tiêu được công nhận VIMCERTS 197; ⁽³⁾, Chỉ tiêu tham khảo;

3. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.